

TOÁ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 15/2024/DS - ST
Ngày 31 - 7 - 2024

“V/v tranh chấp về thừa kế
quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Bình

Bà Phạm Hồng Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Thị Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà:
Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc “ Tranh chấp về thừa kế về quyền sử dụng đất và tài sản trên đất ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2024/QĐXXST – ST ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; trú tại: Số H, đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị C là ông Đoàn Văn P, sinh năm 1955; địa chỉ: Số H, đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Ngọc V - Luật sư văn thuộc phòng L3 - Đoàn luật sư tỉnh N;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố số F, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị G là anh Bùi Văn C1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố số F, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị G là bà Vũ Thị Sao M – Luật sư thuộc văn phòng L4 – Đoàn luật sư tỉnh N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố số F, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

2. Anh Bùi Văn T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

3. Anh Bùi Văn L, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố số F, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

4. Anh Bùi Văn C1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố số F, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị T, anh Bùi Văn T1 và anh Bùi Văn L là anh Bùi Văn C1.

(Tại phiên tòa có mặt ông Đoàn Văn P, bà Nguyễn Thị G, chị Bùi Thị T, anh Bùi Văn T1, anh Bùi Văn C1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn; vắng mặt anh Bùi Văn L)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn là ông Đoàn Văn P trình bày:

Bà Nguyễn Thị C có bố là cụ Nguyễn Công L1 và mẹ là cụ Đoàn Thị K (tên gọi khác là L1).

Cụ L1 và cụ K sinh được 02 người con là Nguyễn Thị G và Nguyễn Thị C. Cụ L1 chết năm 1958, cụ K chết 2014. Di sản cụ K để lại là thửa đất 290, tờ 19, thị trấn N, diện tích là 130 m² (viết tắt là thửa đất 290) và 04 gian nhà ngói.

Nguồn gốc nhà, đất tại thửa 290 là của cụ Đoàn Thị C2 (là mẹ đẻ cụ K), được nhà nước cấp sau cải cách ruộng đất. Năm 1958, sau khi cụ L1 (chồng cụ K) chết, cụ K cùng với 02 con là bà G và bà C về sinh sống cùng với cụ C2 tại thửa đất 290. Năm 1980 cụ C2 chết, năm 1975 bà G đi xây dựng gia đình lấy chồng là ông Bùi Minh T2 (ông T2 chết năm 2022). Năm 1976, bà C đi lấy chồng, thời gian đó chỉ có cụ K sinh sống trên đất. Năm 1984, bà G cùng với 02 con về nhà đất này sinh sống cùng với cụ K. Quá trình sinh sống trên đất có xây dựng bếp, công trình vệ sinh và có tu sửa lại nhà cấp 4 của cụ K. Năm 1995, thửa đất 290 được UBND huyện N, tỉnh Nam Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ L1 (tức Kền).

Nay bà C đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản là quyền sử dụng diện tích

đất 130 m², tại thửa đất 290 và nhà cấp 4 xây dựng trên đất.

Về chia bằng hiện vật: Đề nghị xem xét được nhận bằng hiện vật là ½ diện tích đất có nhà ở của cụ **K** tại thửa 290.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và đại diện cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Bùi Thị T**, anh **Bùi Văn T1** và anh **Bùi Văn L** là anh **Bùi Văn C1** trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về quan hệ huyết thống, năm cụ **L1**, cụ **K** chết, nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất 290 như nguyên đơn trình bày là đúng. Bà **G** cùng các con đã về sinh sống trên thửa đất 290, thờ cúng cụ **C2**, cụ **L1**, cụ **K** và tu sửa lại nhà cấp 4 và xây thêm công trình phụ. Bà **C** yêu cầu chia di sản của cụ **K** là thửa đất 290 và nhà cấp 4, bà **G** đồng ý, nhưng phải thanh toán tiền tu sửa nhà và công sức quản lý di sản cho bà **G** từ di sản cụ **K** để lại. Bà **G** xin nhận sử dụng toàn bộ thửa đất 290 và nhà cấp 4 của cụ **K** và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà **C**.

Tại phiên tòa:

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày: Đề nghị chia thừa kế di sản của cụ **Đoàn Thị K** là thửa đất 290 và nhà cấp 4. Đề nghị được nhận bằng hiện vật là ½ diện tích đất có nhà cấp 4. Đề nghị phải thanh toán từ di sản của cụ **K** tiền lo tang lễ số tiền là 54.600.000đ mà bà **C** đã bỏ ra.

Nguyên đơn và đại diện cho nguyên đơn nhất trí với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn trình bày: Nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ **K** là thửa đất 290 và nhà cấp 4, nhưng phải thanh toán tiền công sức quản lý di sản cho bà **G**. Đề nghị chia cho bị đơn sử dụng toàn bộ di sản là thửa đất 290 và nhà cấp 4. Không nhất trí với nguyên đơn về việc thanh toán tiền mai táng phí vì cụ **K** đã mất hơn 10 năm. Bà **C** và bà **G** đã thống nhất giải quyết xong tiền mai táng phí.

Bị đơn và đại diện của bị đơn: Nhất trí với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn và không có ý kiến bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của Thẩm phán và hoạt động tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 674; Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 167 và Điều 179 Luật Đất đai, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà **Nguyễn Thị C**.

Chia cho bà **Nguyễn Thị G** được sử dụng diện tích đất 130 m² đất ở, tại thửa đất 290, tờ bản đồ số 19, **thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định** và sở hữu nhà cấp 4 trên đất. Có vị trí như sau: phía Bắc giáp thửa 288 và 287 dài 9,5 m; phía Nam giáp ngõ và giáp thửa 291 dài 3,5 m và giáp thửa 292 dài

5,7 m; phía Tây giáp thửa 289 dài 12,2 m; phía Đông giáp thửa 291 dài 16,4 m. Bà Nguyễn Thị G phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tại sản cho bà Nguyễn Thị C số tiền là 597.899.000 đồng.

2. Án phí DSST: căn cứ điểm đ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: miễn án phí DSST cho bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” theo khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

[2] Về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn:

[2.1] Về di sản thừa kế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thống nhất xác định thửa đất 290 có nguồn gốc là của cụ Đoàn Thị C2 (đẻ cụ K). Năm 1959, sau khi cụ L1 chồng cụ Kt, cụ C2 lại thừa đất 290 cho cụ K dùng; căn cứ vào bản đồ địa chính, sổ mục kê đất đai qua các thời kỳ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện N Nam Hà (nay là huyện N, tỉnh Nam Định) lập ngày 28/9/1995 đối với thửa đất số 290, tờ bản đồ số 19, thị trấn Nưng tên chủ sử dụng đất là cụ Trần Thị L2 tức Đoàn Thị K).

Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất 290 và nhà cấp 4 là di sản của cụ Đoàn Thị K. O biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá ngày 22/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, thửa đất 290, có trị giá là: $130 \text{ m}^2 \times 9.000.000đ = 1.170.000.000đ$; nhà cấp 4 có trị giá là: 45.330.048đ. Tổng là 1.215.330.048đ. Trong quá trình sử dụng, bà Nguyễn Thị G tu sửa nhà cấp 4 số tiền là 4.533.000đ nên di sản của cụ K 1.210.797.048đ.

Bà G người thừa kế quản lý di sản thừa kế rất nhiều năm nên cần phải trích một phần di sản của cụ K trị giá là 15.000.000đ cho bà G. Góc khi chia thừa kế là phù hợp với Điều 618 Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn đưa ra yêu cầu được thanh toán tiền mai táng cho cụ K tiền 54.600.000đ nhưng không xuất trình được đầy đủ tài liệu chứng cứ nên yêu cầu này không được xem xét trong vụ án. Nguyên đơn có quyền khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác theo quy định pháp luật.

Như vậy di sản của K thừa kế có trị giá là: $1.210.797.048đ - 15.000.000đ = 1.195.797.048đ$

[2.2] Chia di sản thừa kế của cụ Đoàn Thị K.

Cụ **Đoàn Thị K**t năm 2014, không để lại di chúc, theo quy định tại Điều 675 Bộ luật dân sự năm 2005, di sản của cụ **Đoàn Thị K**c chia theo pháp luật.

Những người thừa kế của cụ **K**àng thừa kế thứ nhất gồm có: Bà **Nguyễn Thị C****Nguyễn Thị G** người được hưởng thừa kế phần di sản của cụ **K** 1.195.797.048đ : 2 = 597.898.524đ

[6] Về chia thừa kế di sản bằng hiện vật: Gia đình bà **Nguyễn Thị G**dụng nhà, đất là di sản của cụ **K**hơn 40 năm, đã xây dựng thêm công trình trên đất; diện tích thửa đất 290 không lớn; gia đình bà **Nguyễn Thị C**có nhà ở riêng. Do vậy, chia cho bà **Nguyễn Thị G**c sử dụng toàn bộ thửa đất 290 và nhà cấp 4 là phù hợp.

[7] Về thanh toán chênh lệch tài sản: Bà **Nguyễn Thị G**i có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà **Nguyễn Thị C**tiền là 597.898.524đ .

[8]Về án phí phí dân sự: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án: Bà **Nguyễn Thị C**bà **Nguyễn Thị G**người cao tuổi và có đơn đề nghị nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 674; Điều 675, Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 616, khoản 2 Điều 618 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Côi

1.1. Chia cho bà **Nguyễn Thị G**c sử dụng diện tích đất 130 m² đất ở, tại thửa đất 290, tờ bản đồ số 19, **thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định** ở hữu nhà cấp 4 trên đất. Có vị trí như sau: Phía Bắc giáp thửa 288 và 287 dài 9,5 m; phía Nam giáp ngõ và giáp thửa 291 dài 3,5 m và giáp thửa 292 dài 5,7 m; phía Tây giáp thửa 289 dài 12,2 m; phía Đông giáp thửa 291 dài 16,4 m.

Bà **Nguyễn Thị G**i có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà **Nguyễn Thị C**tiền là 597.898.524đ (năm trăm chín mươi bảy triệu tám trăm chín mươi tám năm trăm hai mươi bốn đồng)

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự .

Bà **Nguyễn Thị G**quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo bản án có sơ đồ quyền sử đất của bà Nguyễn Thị G thừa đất 290, tờ bản đồ số 19, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định)

1.2.Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị C và Nguyễn Thị Gái.

1.3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND thị trấn Nam Giang;
- Lưu văn phòng.
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thịnh

